

**ĐƠN GIÁ BỒI THƯỜNG CÂY TRỒNG, VẬT NUÔI LÀ THỦY SẢN KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT  
TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN MƯỜNG TÈ**

(Kèm theo Quyết định số: 1346 /QĐ-UBND, ngày 04 tháng 05 năm 2024 của UBND huyện Mường Tè)

STT	LOẠI CÂY TRỒNG	ĐVT	ĐƠN GIÁ (Đồng)	GHI CHÚ
<b>A</b>	<b>NHÓM CÂY ĂN QUẢ</b>			
<b>I</b>	<b>Cây ăn quả chưa cho thu hoạch (Áp dụng cho tất cả các loại cây ăn quả)</b>			
1	Vườn cây thơm + bầu chưa xuất vườn (hỗ trợ di chuyển)	Đồng/m <sup>2</sup>	96.000	
2	Cây trồng bằng hạt năm thứ nhất	Đồng/cây	55.000	
3	Cây trồng bằng hạt năm thứ hai	Đồng/cây	89.000	
4	Cây trồng bằng hạt năm thứ ba	Đồng/cây	135.000	
5	Cây trồng bằng hạt năm thứ tư	Đồng/cây	193.000	
6	Cây trồng bằng cành chiết, ghép dưới 1 năm	Đồng/cây	80.000	
7	Cây trồng bằng cành chiết ghép từ 1 đến dưới 2 năm	Đồng/cây	122.000	
8	Cây trồng bằng cành chiết ghép từ 2 năm đến dưới 3 năm	Đồng/cây	175.000	
<b>II</b>	<b>Cây ăn quả đã cho thu hoạch</b>			
<b>1</b>	<b>Vải, nhãn</b>			
-	Độ phát tán bán kính từ 01m đến dưới 02m	Đồng/cây	424.000	
-	Độ phát tán bán kính từ 02m đến dưới 04m	Đồng/cây	628.000	
-	Độ phát tán bán kính từ 04m trở lên	Đồng/cây	904.000	
<b>2</b>	<b>Cây bưởi, cam, quýt</b>			
-	Độ phát tán bán kính từ 01m đến dưới 02m	Đồng/cây	362.000	
-	Độ phát tán bán kính từ 02m đến dưới 04m	Đồng/cây	481.000	
-	Độ phát tán bán kính từ 04m trở lên	Đồng/cây	668.000	
<b>3</b>	<b>Lê, Mắc cộc, Mận, Đào, Ổi, Táo, Sơn tra (táo mèo), Trúng gà, Doi, Phật thủ, Lựu, cóc (Mức đầu tư 3 năm kiến thiết cơ bản)</b>			
-	Độ phát tán bán kính từ 01m đến dưới 02m	Đồng/cây	362.000	
-	Độ phát tán bán kính từ 02m đến dưới 04m	Đồng/cây	480.000	
-	Độ phát tán bán kính từ 04m trở lên	Đồng/cây	604.000	
<b>4</b>	<b>Hồng các loại, Hồng xiêm, Xoài, Bơ, Na, Vú sữa</b>			
-	Độ phát tán bán kính từ 01m đến dưới 02m	Đồng/cây	366.000	
-	Độ phát tán bán kính từ 02m đến dưới 04m	Đồng/cây	541.000	
-	Độ phát tán bán kính từ 04m trở lên	Đồng/cây	841.000	
<b>5</b>	<b>Cây Mít, Sầu</b>			
-	Độ phát tán bán kính từ 01m đến dưới 02m	Đồng/cây	208.000	
-	Độ phát tán bán kính từ 02m đến dưới 04m	Đồng/cây	364.000	
-	Độ phát tán bán kính từ 04m trở lên	Đồng/cây	662.000	
<b>6</b>	<b>Cây Chanh, quất</b>			
-	Độ phát tán bán kính từ 01m đến dưới 02m	Đồng/cây	207.000	
-	Độ phát tán bán kính từ 02m đến dưới 04m	Đồng/cây	291.000	
-	Độ phát tán bán kính từ 04m trở lên	Đồng/cây	435.000	

STT	LOẠI CÂY TRỒNG	ĐVT	ĐƠN GIÁ (Đồng)	GHI CHÚ
<b>7</b>	<b>Cây Thị, Khế, Trám, Chay, Dâu da, Me, Quất hồng bì</b>			
-	Độ phát tán bán kính từ 01m đến dưới 02m	Đồng/cây	197.000	
-	Độ phát tán bán kính từ 02m đến dưới 04m	Đồng/cây	362.000	
-	Độ phát tán bán kính từ 04m trở lên	Đồng/cây	482.000	
<b>III</b>	<b>Cây ăn quả khác</b>			
<b>1</b>	<b>Cây Đu đủ</b>			
-	Cây mới trồng dưới một (01) năm	Đồng/cây	25.000	
-	Cây trồng từ một đến hai (1-2) năm	Đồng/cây	54.000	
-	Cây đã cho thu hoạch	Đồng/cây	145.000	
<b>2</b>	<b>Cây Dừa</b>			
-	Mới trồng dưới hai (02) năm	Đồng/cây	159.000	
-	Cây trồng trên 2 năm chưa cho thu hoạch	Đồng/cây	309.000	
-	Cây đã cho thu hoạch	Đồng/cây	602.000	
<b>3</b>	<b>Cây Chuối</b>			
-	Có buồng (=20kg/buồng)	Đồng/kg	6.000	
-	Chưa có buồng cao dưới 1,2m	Đồng/cây	25.000	
-	Chưa có buồng cao từ 1,2m trở lên	Đồng/cây	38.000	
<b>4</b>	<b>Cây Dứa</b>	Đồng/khóm		
-	Dứa chưa cho thu hoạch	Đồng/cây	4.000	
-	Dứa đã cho thu hoạch	Đồng/cây	8.000	
<b>5</b>	<b>Dàn nho, Nhót, Chanh leo</b>			
-	Cây trồng năm thứ nhất	Đồng/cây	47.000	
-	Cây trồng năm thứ hai	Đồng/cây	71.000	
-	Cây trồng từ năm thứ ba trở lên (Đã cho thu hoạch)	Đồng/cây	91.000	
<b>6</b>	<b>Cây Thanh long</b>			
-	Cây trồng năm thứ nhất	Đồng/cây	42.000	
-	Cây trồng năm thứ hai	Đồng/cây	48.000	
-	Cây trồng từ năm thứ ba trở lên (Đã cho thu hoạch)	Đồng/cây	156.000	
<b>7</b>	<b>Đối với các loại cây không có trong bảng đơn giá thì Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường căn cứ vào thực tế để quy định cho phù vận dụng cây tương đương trong quy định</b>			
<b>B</b>	<b>NHÓM CÂY CÔNG NGHIỆP</b>			
<b>1</b>	<b>Cây chè</b>			
-	Năm thứ nhất	Đồng/cây	8.000	
-	Năm thứ hai	Đồng/cây	11.000	
-	Năm thứ ba	Đồng/cây	15.000	
-	Cây đã cho thu hoạch từ năm thứ 4 trở lên bằng (=) Sản lượng thực tế nhân (x) với đơn giá thị trường tại thời điểm thu hồi cộng (+) chi phí 3 năm kiến thiết cơ bản trừ (-) chi phí năm thực hiện kiểm kê (tính bằng chi phí năm thứ 3)			
<b>2</b>	<b>Cây Mắc ca</b>			
-	Cây trồng năm thứ 1	Đồng/cây	151.000	
-	Cây trồng năm thứ 2	Đồng/cây	174.000	
-	Cây trồng năm thứ 3	Đồng/cây	197.000	
-	Cây trồng năm thứ 4	Đồng/cây	288.000	

STT	LOẠI CÂY TRỒNG	ĐVT	ĐƠN GIÁ (Đồng)	GHI CHÚ
-	Cây trồng năm thứ 5	Đồng/cây	390.000	
-	Cây trồng năm thứ 6	Đồng/cây	704.000	
-	Cây trồng năm thứ 7	Đồng/cây	1.102.000	
-	Cây trồng năm thứ 8	Đồng/cây	1.499.000	
-	Cây trồng năm thứ 9	Đồng/cây	1.892.000	
-	Cây trồng đã cho thu hoạch từ năm thứ 10 trở đi	Đồng/cây	2.149.000	
<b>3</b>	<b>Cây cao su</b>			
<b>3.1</b>	<b>Cây cao su thời kỳ cây dựng cơ bản</b>			
-	Cây trồng năm thứ 1	Đồng/cây	136.000	
-	Cây trồng năm thứ 2	Đồng/cây	177.000	
-	Cây trồng năm thứ 3	Đồng/cây	212.000	
-	Cây trồng năm thứ 4	Đồng/cây	246.000	
-	cây trồng năm thứ 5	Đồng/cây	274.000	
-	Cây trồng năm thứ 6	Đồng/cây	312.000	
-	Cây trồng năm thứ 7	Đồng/cây	340.000	
<b>3.2</b>	<b>Cây cao su thời kỳ khai thác (năm thứ 8 trở đi)</b>			
-	Cây cao su thời kì khai thác năm thứ 1 đến năm thứ 6 (cây trồng năm thứ 8 đến năm thứ 14)	Đồng/cây	370.000	
-	Cây cao su thời kì khai thác năm thứ 7 đến năm thứ 14 (cây trồng năm thứ 15 đến năm thứ 21)	Đồng/cây	400.000	
<b>4</b>	<b>Đối với các loại cây không có trong bảng đơn giá thì Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường căn cứ vào thực tế để quy định cho phù vận dụng cây tương đương trong quy định</b>			
<b>C</b>	<b>NHÓM CÂY LẤY GỖ</b>			
<b>1</b>	<b>Cây giống ươm bầu chưa đủ tiêu chuẩn xuất vườn thì tính hỗ trợ di chuyển</b>	<b>Đồng/m<sup>2</sup></b>	<b>96.000</b>	
<b>2</b>	<b>Cây Pơ mu, Xa mộc, Lát và các loại cây lấy gỗ thuộc nhóm I, II</b>			
-	Trồng dưới 01 năm	Đồng/cây	21.000	
-	Trồng từ 01 năm đến dưới 02 năm	Đồng/cây	32.000	
-	Trồng từ 02 năm đến dưới 05 năm	Đồng/cây	60.000	
-	Có đường kính từ 05cm đến dưới 10cm	Đồng/cây	206.000	
-	Có đường kính từ 10cm đến dưới 25cm	Đồng/cây	307.000	
-	Có đường kính từ 25cm trở lên tính bằng (=) khối lượng gỗ nhân (x) với đơn giá tại thời điểm (trừ đi giá trị thu hồi nếu có)	Đồng/m <sup>3</sup>		
<b>3</b>	<b>Các loại cây lấy gỗ khác (Xoan đào, Dổi, Dẻ, Thông, Keo...)</b>			
-	Trồng dưới 01 năm	Đồng/cây	11.000	
-	Trồng từ 01 năm đến dưới 02 năm	Đồng/cây	14.000	
-	Trồng từ 02 năm đến dưới 05 năm	Đồng/cây	25.000	
-	Có đường kính từ 05cm đến dưới 10cm	Đồng/cây	31.000	
-	Có đường kính từ 10cm đến dưới 25cm	Đồng/cây	44.000	
-	Có đường kính từ 25cm trở lên tính bằng (=) khối lượng gỗ nhân (x) với đơn giá tại thời điểm (trừ đi giá trị thu hồi nếu có)	Đồng/m <sup>3</sup>		

STT	LOẠI CÂY TRỒNG	ĐVT	ĐƠN GIÁ (Đồng)	GHI CHÚ
4	<b>Đối với rừng tự nhiên, rừng trồng: Thực hiện theo Quyết định 32/2022/QĐ-UBND ngày 26/8/2022 của UBND tỉnh Lai Châu Quy định khung giá các loại rừng trên địa bàn tỉnh Lai Châu</b>			
5	<b>Trường hợp cây trồng có tuổi từ 3 năm đến dưới 4 năm mà trong quá trình kiểm đếm, đên bù xác định đường kính của cây thuộc các cấp kính đã phân chia thì được áp dụng đơn giá đến bù cây đó theo đơn giá của các cấp kính đã quy định.</b>			
<b>D</b>	<b>CÂY TRỒNG KHÁC</b>			
<b>1</b>	<b>Cây Tre</b>			
-	Tre non (măng) < 2m	Đồng/cây	16.000	
-	Cây có đường kính dưới 05cm	Đồng/cây	27.000	
-	Cây có đường kính từ 05cm đến dưới 15cm	Đồng/cây	44.000	
-	Cây có đường kính từ 15cm trở lên	Đồng/cây	71.000	
<b>2</b>	<b>Cỏ VA06 và các loại cỏ trồng phục vụ chăn nuôi</b>	Đồng/m <sup>2</sup>	5.000	
<b>3</b>	<b>Hàng rào cây sống, cột tre gỗ</b>			
-	Hàng rào cây sống	Đồng/m	7.200	
-	Hàng rào cột tre, gỗ	Đồng/m	6.000	
<b>E</b>	<b>HOA, CÂY CẢNH</b>			
<b>1</b>	<b>Hoa, cây cảnh (các loại) trồng chậu, căn cứ tình hình thực tế để tính hỗ trợ di chuyển</b>	Đồng/chậu	24.000	
<b>2</b>	<b>Cây cây hoa các loại</b>			
-	Mới trồng dưới 3 tháng	Đồng/cây	12.000	
-	Cây chưa cho thu hoạch	Đồng/cây	14.000	
-	Đã cho thu hoạch	Đồng/cây	21.000	
<b>F</b>	<b>NHÓM CÂY ĐƯỢC LIỆU</b>			
<b>1</b>	<b>Cây Thảo quả</b>			
-	Cây trồng năm thứ nhất	Đồng/khóm	25.000	
-	Cây trồng năm thứ hai	Đồng/khóm	74.000	
-	Cây trồng từ năm thứ ba trở lên	Đồng/khóm	194.000	
<b>2</b>	<b>Cây Quế</b>			
<b>2.1</b>	<b>Cây Quế do hộ gia đình tự trồng</b>			
-	Cây trồng dưới 02 năm	Đồng/cây	11.000	
-	Cây trồng từ 02 năm đến dưới 03 năm	Đồng/cây	19.000	
-	Trồng từ 03 năm đến dưới 05 năm	Đồng/cây	67.000	
-	Trồng từ 05 năm trở lên có đường kính >15cm	Đồng/cây	132.000	
<b>2.2</b>	<b>Cây Quế có nguồn đầu tư từ ngân sách Nhà nước</b>			
-	<b>Giá trị hộ gia đình được hưởng</b>			
-	Cây trồng dưới 02 năm	Đồng/cây	9.000	
-	Cây trồng từ 02 năm đến dưới 03 năm	Đồng/cây	16.000	
-	Trồng từ 03 năm đến dưới 05 năm	Đồng/cây	65.000	
-	Trồng từ 05 năm trở lên có đường kính >15cm	Đồng/cây	129.000	
<b>3</b>	<b>Cây Sa nhân và các cây dược liệu khác</b>			
-	Cây trồng năm thứ nhất	Đồng/m <sup>2</sup>	15.000	
-	Cây trồng năm thứ hai	Đồng/m <sup>2</sup>	24.000	

STT	LOẠI CÂY TRỒNG	ĐVT	ĐƠN GIÁ (Đồng)	GHI CHÚ
-	Cây trồng từ năm thứ ba trở lên	Đồng/m <sup>2</sup>	55.000	
<b>G</b>	<b>CÂY TRỒNG HÀNG NĂM</b>			
	Căn cứ theo kết quả thực hiện theo niên giám thống kê, nghị quyết, quyết định giao chỉ tiêu của HDND và UBND các cấp xác định: Giá trị sản lượng của vụ thu hoạch được tính theo năng suất của vụ cao nhất trong 03 năm trước liền kề của cây trồng chính tại địa phương và giá trung bình tại thời điểm thu hồi đất.			
<b>H</b>	<b>VẬT NUÔI LÀ THỦY SẢN</b>			
<b>Ghi chú: Vật nuôi là thủy sản mà tại thời điểm thu hồi đất chưa đến thời kỳ thu hoạch thì được bồi thường thiệt hại thực tế do phải thu hoạch sớm. Trường hợp có thể di chuyển được thì được bồi thường chi phí di chuyển và thiệt hại do di chuyển gây ra, mức bồi thường bằng 80% giá trị bồi thường. Trường hợp thu hồi một phần diện tích đất nuôi trồng thủy sản mà làm ảnh hưởng đến diện tích nuôi trồng còn lại thì được bồi thường sản lượng hiện có cho toàn bộ diện tích đất nuôi trồng thủy sản đó.</b>				
<b>1</b>	Sản lượng bồi thường đối với ao nuôi hỗn hợp bằng 0,3 kg/m <sup>2</sup>			
	Giá trị bồi thường bằng sản lượng nhân (X) với đơn giá tại thời điểm bồi thường			
<b>Ghi chú:</b> Trên cùng một diện tích đất trồng nhiều tầng cây, nhiều loại cây, thì tính toán bồi thường theo số cây thực tế tại thời điểm kê khai, kiểm đếm, không tính cây trồng xen, cây trồng chính. Một loại cây trồng, vật nuôi nếu đáp ứng cả hai tiêu chí bồi thường thì áp dụng tiêu chí có đơn giá cao hơn.				